

## HÌNH TƯỢNG CÁI TÔI TRỮ TÌNH TRONG THƠ LÊ ANH HOÀI

**Đoàn Chí Cường<sup>(1)</sup>**

(1) Trường Đại học Sài Gòn

Ngày nhận bài 15/5/2025; Chấp nhận đăng 03/7/2025

Liên hệ email: doanchicuong3616@gmail.com

### **Tóm tắt**

Trong nền văn học Việt Nam đương đại, Lê Anh Hoài được xem là một trong những minh chứng tiêu biểu cho tinh thần sáng tạo, độc đáo. Đặc biệt, trong lĩnh vực thơ ca, ông đã khẳng định dấu ấn riêng, khu biệt với các nhà thơ khác nhờ phong cách tự do, ngẫu hứng. Để làm sáng tỏ điều trên, trong bài viết này, chúng tôi chủ yếu khai thác thơ Lê Anh Hoài từ góc độ thi pháp học và thao tác phân tích tổng hợp. Từ đây, người đọc có sự nhìn nhận một cách cụ thể hơn về hình tượng cái tôi trữ tình trong thơ Lê Anh Hoài. Đó là cái tôi với ý thức kiếm tìm bản ngã, luôn khao khát vươn lên và vượt thoát khỏi những khuôn khổ, cấm kỵ trong cuộc sống. Đồng thời, bài viết cũng góp phần làm sáng tỏ những dụng ý nghệ thuật mà nhà thơ đã khéo léo gửi gắm trong các thi phẩm của mình.

**Từ khóa:** cái tôi trữ tình, Lê Anh Hoài, thơ ca Việt Nam đương đại

### **Abstract**

#### **THE IMAGE OF THE LYRICAL EGO IN LE ANH HOAI POETRY**

In contemporary Vietnamese literature, Le Anh Hoai is considered one of the typical pieces of evidence for the creative and unique spirit. Thanks to his open and spontaneous approach, he has proven his viewpoint and area of expertise with other poets. To clarify the foregoing, we will mostly look at Le Anh Hoai's poetry via the method of studying and manipulating general analysis. From here, readers have a more specific view of the image of the lyrical ego in Le Anh Hoai's poetry. This is the ego's sense of self-discovery and constant desire to soar beyond the social norms and taboos. Furthermore, the essay serves to clarify the lyrical intentions that the poet has successfully conveyed in his poetry.

### **1. Đặt vấn đề**

Cùng với sự phát triển của thời đại, đặc biệt trong bối cảnh văn học Việt Nam sau năm 1986, xu hướng đổi mới mạnh mẽ và toàn diện đã mở ra một bước ngoặt quan trọng, cho phép người nghệ sĩ khẳng định tài năng sáng tạo của mình. Thơ ca, trong tiến trình ấy, đã mở ra một thế giới mới, cho phép nhà thơ có cơ hội thể hiện cái tôi cá nhân một cách trực diện, phong phú và đa dạng hơn. Việc bộc lộ tâm tư, tình cảm của cái tôi trữ tình không chỉ là một tín hiệu để truyền tải đến độc giả mà còn là sự phản tỉnh của một cái tôi luôn nhạy cảm với những đổi thay của thời cuộc. Khi tìm hiểu đề tài *Hình tượng cái tôi trữ tình trong thơ Lê Anh Hoài*, chúng tôi nhận thấy hình tượng cái tôi trữ tình là một vấn đề đã được đề cập khá phổ biến trong nghiên cứu thơ ca. Nhiều công trình, bài viết đã khai thác khía cạnh này dưới nhiều góc độ khác nhau.

Một trong những công trình sớm và có tính định hướng là luận án *Cái tôi trữ tình trong thơ (qua một số hiện tượng thơ trữ tình Việt Nam 1975-1990)* của Lê Lưu Oanh (1995). Tác giả đã trình bày nội dung thành ba chương: chương 1 giới thiệu mối quan hệ giữa cái tôi trữ tình và thơ trữ tình; chương 2 đi sâu phân tích cái tôi trữ tình trong thơ Việt Nam giai đoạn 1975-1990; chương 3 khảo sát các hình thức thể hiện của cái tôi trữ tình trong giai đoạn này. Đây được xem là một trong những nghiên cứu nền tảng, góp phần đặt nền móng cho những công trình tiếp theo.

Tiếp nối là luận văn *Cái tôi trữ tình trong thơ Nguyễn Bính* của Phạm Thị Thanh Phương (2000). Công trình tập trung làm rõ hai nội dung chính: biểu hiện của cái tôi trữ tình trong thơ Nguyễn Bính và phương thức thể hiện cái tôi ấy. Qua đó, tác giả đã phân tích khá cặn kẽ về không gian, thời gian, giọng điệu và các đặc điểm nghệ thuật đặc sắc làm nổi bật hình tượng cái tôi trong thơ Nguyễn Bính.

Ở luận văn *Cái tôi trữ tình trong thơ Chế Lan Viên sau Cách mạng 1945* (Nguyễn Thị Kim Dung, 2005), người đọc có cơ hội nhìn nhận rõ hơn về sự phát triển và biến đổi của cái tôi trữ tình qua các giai đoạn sáng tác của Chế Lan Viên, từ *Điều tàn*, *Hái theo mùa* đến *Hoa trên đá*, *Di cáo thơ*. Luận văn đã hệ thống hóa tiến trình vận động của cái tôi, qua đó góp phần lý giải chiều sâu tư tưởng cũng như cá tính sáng tạo đặc biệt của nhà thơ.

Luận văn *Hình tượng cái tôi trữ tình trong Ngư phong thi tập của Nguyễn Quang Bích* của Trần Nguyễn Thùy Dương (2012) được triển khai với ba chương: giới thiệu về Nguyễn Quang Bích, nội dung thể hiện cái tôi trữ tình trong *Ngư phong thi tập* và các thủ pháp nghệ thuật góp phần khắc họa hình tượng này. Công trình đã kế thừa và phát triển hướng tiếp cận trước đó, làm sáng rõ thêm vai trò và giá trị biểu đạt của cái tôi trong thơ văn yêu nước.

Phan Trắc Thúc Định (2012) thực hiện luận văn *Cái tôi trữ tình trong thơ trẻ đương đại (qua Vi Thùy Linh, Phan Huyền Thư, Văn Cầm Hải)*, mang đến một cái nhìn khái quát về biểu hiện của cái tôi trong thơ đương đại. Tác giả không chỉ khái lược về cái tôi trữ tình mà còn chỉ ra những phương thức thể hiện đa dạng và mới mẻ trong thơ của mỗi tác giả. Bùi Bích Hạnh (2012) với luận án *Cái tôi trữ tình trong thơ trẻ Việt Nam*, một công trình công phu và hệ thống, nhằm phác họa diện mạo và xu hướng biểu hiện cái tôi trong thơ ca trẻ. Luận án này thể hiện được khả năng học thuật cao khi nghiên cứu về đặc trưng thi pháp và tâm thức thể hệ nhà thơ hậu đổi mới.

Luận văn *Tiếng nói của cái tôi trữ tình trong thơ Nguyễn Khoa Điềm và Hữu Thỉnh trước năm 1986 – Một cái nhìn đối sánh* của Nguyễn Thị Thu Hiền (2015) đã đặt vấn đề nghiên cứu trong mối quan hệ so sánh, làm nổi bật những điểm tương đồng và khác biệt trong biểu hiện cái tôi trữ tình giữa hai nhà thơ tiêu biểu trước thời kỳ đổi mới. Luận văn đã kết hợp giữa phân tích nội dung và phương thức thể hiện, từ đó đưa ra những nhận định sâu sắc về chất giọng và cá tính thi ca của mỗi tác giả.

Đáng chú ý, Trần Đình Sử (2020) trong công trình *Cái tôi và hình tượng trữ tình* đã chỉ ra khoảng trống trong việc nghiên cứu khái niệm cái tôi trữ tình. Ông cho rằng, mặc dù ai cũng thừa nhận thơ trữ tình luôn gắn liền với cái tôi, nhưng cho đến nay, khái niệm này vẫn chưa được lý luận một cách đầy đủ, nhất quán. Theo ông: “*Thơ trữ tình với tư cách là sự biểu hiện của cái tôi, là phương tiện để con người cảm thấy sự tồn tại của mình. Cái tôi trong thơ nâng con người lên cao hơn tồn tại trực tiếp, hướng nó về lý tưởng, là cái cầu nối giữa vô thức với hữu thức.*” (Trần Đình Sử, 2020). Nhận định của Trần Đình Sử không chỉ cho thấy tầm quan trọng của cái tôi trong thơ mà còn mở ra nhiều hướng tiếp cận mới, giàu tính nhân văn và triết luận cho việc nghiên cứu thể loại này.

Bên cạnh các công trình luận văn, luận án, còn có một số bài báo khoa học tiêu biểu cũng đã khai thác vấn đề cái tôi trữ tình như: *Cái tôi trữ tình trong thơ văn xuôi Việt Nam hậu hiện đại* (Nguyễn Thị Chính, 2016), *Hình tượng cái tôi trữ tình trong thơ nữ Việt Nam giai đoạn 1986-2016* (Hồ Tiểu Ngọc, 2019), *Hình tượng cái tôi trữ tình trong thơ Lê Thị Mây* (Phạm Thị Thu Hằng, 2021), *Cái tôi trữ tình trong thơ Bình Nguyên* (Vũ Nguyệt Khánh Phượng, 2024)...

Các công trình trên cho thấy mối quan tâm sâu sắc của giới nghiên cứu đối với hình tượng cái tôi trữ tình. Bởi cái tôi là một yếu tố không thể thiếu trong việc khám phá thế giới nội tâm của người nghệ sĩ, đồng thời góp phần làm phong phú thêm bức tranh nghiên cứu thơ ca Việt Nam đương đại. Mặc dù đã có nhiều công trình và bài viết bàn về hình tượng cái tôi trữ tình, tuy nhiên, theo đánh giá của chúng tôi vẫn chưa có nghiên cứu nào tập trung khai thác khía cạnh này trong thơ Lê Anh Hoài. Vì vậy, dù đề tài không thực sự mới mẻ nhưng bài viết này mong muốn góp thêm một góc nhìn độc đáo về hình tượng cái tôi trong thơ ông.

Trong dòng chảy thơ ca Việt Nam đương đại, Lê Anh Hoài hiện lên với tư cách là một nhà thơ giàu cá tính, với lối viết sáng tạo và luôn khơi gợi sự tò mò thắm mĩ nơi người đọc. Cùng hai tập thơ *Những giấc mơ bên đường* (Lê Anh Hoài, 1999), *Mảnh mảnh mảnh* (Lê Anh Hoài, 2012), ông đã tái hiện một thế giới ngổn ngang những mảnh vỡ của hiện thực, đan xen giữa thực tại và giấc mơ... Tất cả đã hòa quyện và tạo thành một bức tranh mờ ảo, không ranh giới rõ ràng, khiến cho cái tôi trữ tình rơi vào trạng thái lạc lõng, chên vênh, mất phương hướng và dần đánh mất niềm tin vào cuộc sống. Đồng thời, đó cũng là một cuộc chơi kiếm tìm bản ngã, thể hiện khát vọng vượt thoát khỏi những khuôn mẫu truyền thống đã được định sẵn. Chính vì vậy, việc tìm hiểu đề tài *Hình tượng cái tôi trữ tình trong thơ Lê Anh Hoài* được xem là một cơ sở phù hợp để người nghiên cứu khám phá những ẩn ý nghệ thuật, qua đó làm sáng tỏ tư tưởng, tài năng sáng tạo của nhà thơ.

## 2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu thơ ca, hình tượng cái tôi trữ tình được xem là một yếu tố đặc trưng, giữ vai trò quan trọng trong việc cấu thành tác phẩm. Khái niệm này góp phần thể hiện thế giới nội tâm phong phú của chủ thể sáng tạo, qua đó bộc lộ những cung bậc cảm xúc và chiều sâu tư tưởng của nhà thơ. Khi tìm hiểu về “hình tượng” trong văn học nghệ thuật, chúng tôi nhận thấy có nhiều cách tiếp cận khác nhau cũng như sự đa dạng trong cách nhìn nhận và lý giải khái niệm này.

Theo *Từ điển tiếng Việt*, Hoàng Phê định nghĩa hình tượng là “*sự phản ánh hiện thực một cách khái quát bằng nghệ thuật dưới hình thức những hiện tượng cụ thể, sinh động, điển hình, nhận thức trực tiếp bằng cảm tính.*” (Hoàng Phê, 2003). Từ định nghĩa này, hình tượng có thể là một phương thức giúp nhà văn tái hiện và phản ánh thực tại cuộc sống từ việc xây dựng các hiện tượng cụ thể trong tác phẩm.

Lại Nguyên Ân (2016) cho rằng: “*Hình tượng là một cấu trúc gồm hai thành tố; hình tượng là giao điểm của tuyến “vật thể” và tuyến “hàm nghĩa”. Ở hình tượng, một đối tượng này được bộc lộ thông qua một đối tượng khác, các đối tượng chuyển hóa lẫn nhau... Mục tiêu của hình tượng là tân tạo sự vật, biến nó thành một cái gì đó khác hẳn - dù là biến cái đơn giản thành cái phức tạp hay biến cái phức tạp thành cái đơn giản, nhưng bao giờ cũng có đạt tới một hiệu thế hàm nghĩa cao hơn giữa hai cực, bao giờ cũng có làm lộ ra sự thâm nhập lẫn nhau của những bình diện rất khác nhau.*”. Bên cạnh

đó, tác giả còn xem hình tượng nghệ thuật là “*phương thức chiếm lĩnh và tái tạo hiện thực riêng biệt, vốn có và chỉ có ở nghệ thuật. Bất cứ hiện tượng nào được xây dựng lại một cách sáng tạo trong tác phẩm nghệ thuật... là kết quả hoạt động tưởng tượng, nhằm tạo ra một thế giới ứng với những nhu cầu và định hướng về tinh thần của con người, ứng với hoạt động có chủ đích, với lý tưởng của con người.*”. Theo đó, hình tượng không chỉ là kết quả của quan sát thông thường, mà còn được trừu xuất từ những trải nghiệm đã có, dưới sự dẫn dắt của trí tưởng tượng và cảm thụ cá nhân, nhằm khám phá các lớp nghĩa tiềm ẩn và truyền tải những thông điệp ý nghĩa.

Trong văn học nói chung và thơ ca nói riêng, việc xem cái tôi trữ tình như một thể giới nghệ thuật đã mở ra nhiều khả năng khám phá mới. Tuy nhiên, khái niệm này không đồng nhất với cái tôi tác giả, mà có thể được hiểu như một sự hiện thân của chủ thể sáng tạo. Nhờ đó, người đọc có thể cảm nhận những tâm tư, tình cảm sâu kín của chủ thể, đồng thời nhận diện giá trị thẩm mỹ của nó. Bàn về điều trên, Heghen (1999) đã nhấn mạnh: “*Nguồn gốc và điểm tựa của nó là ở chủ thể và chủ thể là người duy nhất, độc nhất mang nội dung. Chính vì vậy cho nên cá nhân phải có được một bản tính thi sĩ, phải có một trí tưởng tượng phong phú, phải có một cảm xúc dồi dào và có thể lĩnh hội được những ý niệm sâu sắc và đồ sộ*”.

Ở công trình *Tư duy thơ và tư duy thơ hiện đại Việt Nam*, Nguyễn Bá Thành (1996) nhận định cái tôi trữ tình như một nhân vật nhằm biểu đạt những tư tưởng thẩm mỹ của nhà thơ. Ngoài ra, cái tôi ấy cần phải đặt trong một bối cảnh cụ thể, nó gắn liền với từng thời đoạn nhất định. Và dưới sự chi phối của quan niệm thơ, sự chuyển biến trong nhận thức của nhà thơ về cái tôi cũng trở nên khác nhau: “*Cái tôi trữ tình trong thơ được biểu hiện dưới hai dạng thức chủ yếu là cái tôi trữ tình trực tiếp và cái tôi trữ tình gián tiếp. Thơ trữ tình coi trọng sự biểu hiện của chủ thể đến mức như là nhân vật số một trong mọi bài thơ. Tuy nhiên, do sự chi phối quan niệm thơ và phương pháp tư duy của từng thời đại mà vị trí của cái tôi trữ tình có những thay đổi nhất định*”. Trong thơ, việc giải mã cái tôi trữ tình là điều cần thiết. Để làm được điều đó, cái tôi cần có một thế giới riêng để có thể bộc lộ cảm xúc một cách tự nhiên, chân thật và mãnh liệt: “*‘Thơ trữ tình là bản tóc kí nội tâm’, nghĩa là sự tuôn trào của hình ảnh, từ ngữ trong một trạng thái cảm xúc mạnh mẽ của người sáng tạo. Chính vì vậy về bản chất mọi nhân vật trữ tình trong thơ chỉ là những biểu hiện đa dạng của cái tôi trữ tình*”.

Sau cùng là công trình *Thơ trữ tình Việt Nam 1975-1990*, Lê Lưu Oanh (1998) kiến giải rằng cái tôi trữ tình có thể được hiểu như một thế giới nghệ thuật độc lập, mang giá trị thẩm mỹ riêng. Trong thế giới ấy, nhà thơ được tự do thể hiện cá tính và sáng tạo nên một thế giới mang đậm dấu ấn cá nhân. Qua đó khẳng định bản thân như một cá thể riêng biệt, không bị hòa lẫn vào bất kì điều gì khác: “*Gọi cái tôi trữ tình là một thế giới nghệ thuật bởi thế giới nội cảm này là một chỉnh thể thống nhất, có ngôn ngữ và quy luật riêng, chịu sự quy định của những quan niệm nghệ thuật riêng, phụ thuộc vào lịch sử thời đại và lịch sử cá nhân... Đi vào thế giới nghệ thuật, được coi như một kênh giao tiếp với những mã số, kí hiệu, giọng nói, chương trình riêng, cần có những thao tác phù hợp... Thế giới nghệ thuật của cái tôi trữ tình là một thế giới mang giá trị thẩm mỹ.*” (Lê Lưu Oanh, 1998).

Trong thơ Lê Anh Hoài, cái tôi trữ tình ý thức khá rõ về hành trình kiếm tìm bản ngã và khát vọng vượt khỏi những khuôn khổ, cấm kỵ. Và đó cũng chính là con đường dẫn lối người đọc giải mã tư tưởng và sự chuyển biến phức tạp, tinh vi về những cung bậc cảm xúc của hình tượng cái tôi trong thơ của ông.

Để thực hiện bài viết, chúng tôi sử dụng phối hợp các phương pháp sau:

Phương pháp tiếp cận thi pháp học: Vận dụng phương pháp này để làm rõ những biểu hiện của hình tượng cái tôi trữ tình trong thơ Lê Anh Hoài.

Thao tác phân tích tổng hợp: Tiến hành phân tích và làm rõ những biểu hiện của cái tôi trữ tình trong thơ Lê Anh Hoài qua hai phương diện nội dung và nghệ thuật. Từ đó, chúng tôi sẽ thu thập các dữ liệu để làm sáng tỏ đề tài.

### 3. Kết quả và thảo luận

#### 3.1. Cái tôi với ý thức kiếm tìm bản ngã

Trong dòng chảy thơ ca đương đại Việt Nam, có những nhà thơ không chấp nhận đi theo những lối mòn quen thuộc, mà chọn cách phá vỡ giới hạn, khai mở những hình thức biểu đạt mới để khẳng định bản ngã riêng. Chẳng hạn như Bùi Giáng, Lê Đạt, Trần Dần, Dương Tường, Hoàng Hưng, Bùi Chát, Lý Đợi, Nguyễn Hoàng Nam, Phan Huyền Thư, Vi Thùy Linh... Trong dòng chảy ấy, Lê Anh Hoài được biết đến là một cây bút tuy khá mới mẻ nhưng ông đã có những đóng góp đáng kể thông qua phong cách thơ độc đáo và sáng tạo. Đặc biệt, ông thể hiện dấu ấn sâu đậm qua việc khắc họa hình tượng cái tôi trữ tình trong thơ. Những con chữ được ông sắp xếp một cách tự do, ngẫu hứng nhưng ẩn sau đó là sự tinh tế cố chủ đích, thể hiện một ý thức kiếm tìm bản ngã – một cái tôi không ngừng phản tỉnh, đối diện với chính mình và thế giới xung quanh.

Thơ Lê Anh Hoài tựa như một cuộc hành trình đi tìm sự tồn tại của bản ngã, nơi con người không chỉ sống mà còn phải ý thức sâu sắc về sự hiện diện của mình trong đời, kể cả khi lạc trôi vào miền vô thức. Nếu con người thường chìm vào giấc ngủ để lãng quên thực tại, thì cái tôi trữ tình trong thơ ông lại chọn cách thức tỉnh, đối diện với chính mình: *“chúng mình đắm mê trong trạng thái/ tỉnh thức mất ngủ/ dẫn nhau đi trên những mái nhà lúc đêm”* (Mộng du). Hành động *“đi trên mái nhà”* là biểu tượng cho hành trình kiếm tìm bản ngã. Khi đặt mình vào trạng thái của những người mộng du, ta có thể cảm nhận được cái tôi trữ tình đang thỏa sức vẫy vùng trong mê lộ không giới hạn. Họ đắm chìm vào những cảm xúc chân thực nhất, như thể đang tham gia vào một cuộc truy nguyên con người đích thực của chính mình. Tuy nhiên, sự tỉnh thức ấy cũng đi kèm với nỗi sợ hãi trước thực tại phũ phàng: *“xin đừng gọi, đừng gọi!/ anh và em sẽ tỉnh lại và rơi xuống/ và chết vì sự chắc chắn của mặt đường”* (Mộng du). Bài thơ không chỉ khắc họa một cái tôi cá nhân đầy mạnh mẽ mà còn phản ánh sự giằng co giữa bản ngã và hiện thực, nơi con người khao khát tự do nhưng vẫn bị ràng buộc bởi những quy luật khắc nghiệt của cuộc sống.

Bên cạnh đó, cái tôi trữ tình trong thơ Lê Anh Hoài còn bộc lộ qua khát vọng tìm kiếm bản ngã và một nơi thuộc về mình. Điều này thể hiện rõ trong bài thơ *Ước*, khi nhân vật trữ tình gửi gắm khát khao vào những hình ảnh thiên nhiên đầy biểu tượng: *“buồm trắng lênh đênh mơ về bến bờ/ tháng năm mơ về ngày Tết/ và cả thiên thần cũng mơ/ một mái nhà mây”* (Ước). Những hình ảnh *“buồm trắng lênh đênh”*, *“chim chóc bay hoài”*, *“gió lang thang thui thui”* gợi lên trạng thái vô định, khắc họa một cái tôi luôn trăn trở về sự hiện hữu của mình giữa thế giới rộng lớn. Không chỉ con người mà cả thiên nhiên cũng mang nỗi khắc khoải ấy: *“chim chóc bay hoài,/ mơ một vòm cây/ và mây cũng mơ về lưng núi/ và cả gió lang thang thui thui/ vẫn mơ về đậu xuống mặt hồ.”* (Ước). Khát khao tìm kiếm chốn neo đậu không đơn thuần là câu hỏi về sự tồn tại của bản ngã mà còn là nỗi cô đơn, lạc lõng của cái tôi trữ tình trong hành trình đi tìm giá trị đích thực.

Ngoài ra, cái tôi trữ tình còn trực tiếp đối diện với sự vô tận và nghiệt ngã của thời gian: “*thời gian/ quay tựa vòng tròn/ một nửa ngập bùn/ một mảnh/ lung linh ước mơ.../ nếu đời không có ta*” (*Thời gian*). Hình ảnh “*một nửa ngập bùn, một mảnh lung linh ước mơ*” thể hiện sự đối lập giữa hiện thực khắc nghiệt và những khát vọng chưa thành. Câu thơ “*nếu đời không có ta*” vang lên như một lời tự vấn đầy trăn trở, bộc lộ nỗi hoài nghi sâu sắc về chính sự hiện diện của cái tôi trong thế giới này. Không những thế, cái tôi ấy còn thể hiện sự giằng co giữa hoài niệm và thực tại, trong nỗi day dứt khi phải đối diện với những đổi thay không thể cưỡng lại của thời gian. Nhân vật trữ tình luôn mang trong mình sự tự nhận thức mạnh mẽ, đối diện với sự phai nhạt của những giá trị từng trân trọng: “*lòng ta nắng, chói chang/ từ mọi vẻ/ và thế là ta đã mất hẳn/ cái khoảng tối êm êm*” (*Khoảng tối đã mất*). Hình ảnh “*khoảng tối êm êm*” không chỉ là không gian vật lý mà còn tượng trưng cho ký ức, nơi lưu giữ những xúc cảm nguyên sơ và mộng tưởng tuổi trẻ. Thế nhưng, dưới ánh sáng của thực tại, tất cả đã bị phơi bày một cách phũ phàng: “*dưới ánh nắng gay gắt phũ phàng,/ khoảng tối kia đã bị xóa tan chỉ còn lại/ một vùng khô lổn nhổn*” (*Khoảng tối đã mất*). Dễ thấy khoảng tối – miền cảm xúc từng chân thật – nay chỉ còn là “*một vùng khô lổn nhổn*”, nơi lý trí bóp nghẹt giấc mơ, nơi cái tôi trữ tình buộc phải chấp nhận đổi thay. Nỗi đau không còn nguyên vẹn mà trở thành “*hài hước*”, con chim tưởng tượng – biểu tượng của xúc cảm bay bổng – giờ “*ăn bằng những hạt lô-gic khô, sắp trở thành con vẹt nói tiếng người*” (*Khoảng tối đã mất*). Đây không chỉ là sự mất mát của ký ức mà còn là sự tan rã của lý tưởng, của bản ngã từng tồn tại trong nhân vật trữ tình. Hay trong tác phẩm *Vườn chùa*, những gì từng thuộc về quá khứ giờ đây chỉ còn lại sự hoang hoải, trống trải, giống như nỗi cô đơn của con người khi đứng trước thời gian vô tình “*vườn thương anh chót bỏ hoang/ hôm nay thăm lại mọc/ toàn me chùa*” (*Vườn chùa*). Vì thế, cái tôi trữ tình trong bài thơ không chỉ giằng co giữa quá khứ và hiện tại mà còn ý thức sâu sắc về những điều đã mất, những cảm xúc đã đổi thay từng ngày.

Mặt khác, cái tôi trữ tình luôn mang trong mình sự tự nhận thức sâu sắc về bản thể và tình yêu. Cái tôi ấy vừa cố gắng lưu giữ ký ức, vừa ý thức rõ về sự phai nhạt của thời gian. Điều này thể hiện rõ trong *Những giấc mơ bên đường*, khi chủ thể trữ tình “*anh*” hoài niệm về một tình yêu đã qua, đồng thời đối diện với sự mong manh của ký ức: “*nhớ môi em làm ấm cả gió đông/ gió oi, qua đời anh nhiều đến vậy*” (*Những giấc mơ bên đường*). Nếu câu thơ trên gợi lên sự đối lập giữa hơi ấm của ký ức và sự lạnh lẽo của hiện thực, thì hình ảnh “*những giấc mơ bay lá tả bên đường/ nhờ có em đi ngang nhật lý*” lại khắc họa sự tàn phai không thể níu giữ của kỷ niệm. Dù vậy, “*anh*” vẫn khao khát in dấu tình yêu lên những giấc mơ xưa cũ, tha thiết cầu xin “*những giấc mơ cũ mềm tôi vẫn giấu/ xin em in vào mỗi cái một dấu môi em*” (*Những giấc mơ bên đường*). Thế nhưng, trước sự hữu hạn của đời người, cái tôi ấy cuối cùng cũng ý thức rằng mọi thứ rồi sẽ trở thành dĩ vãng “*một mai đến ngày tôi chết/ xin em vứt hộ bên đường*” (*Những giấc mơ bên đường*). Thế nên, dù sống trong sự giằng co giữa khát vọng níu giữ quá khứ và sự chấp nhận mất mát, cái tôi ấy vẫn nhận thức sâu sắc về sự mong manh của ký ức và tình yêu trước quy luật khắc nghiệt của thời gian. Tình yêu, dù từng nồng nàn và da diết, rồi cũng trở thành những “*giấc mơ bay lá tả bên đường*” bị cuốn theo dòng chảy vô tình của cuộc sống. Điều này đã giúp khắc họa một cái tôi trữ tình đầy chiều sâu, vừa day dứt, tiếc nuối, vừa tỉnh táo đối diện với thực tại. Ở đó, những điều từng thiêng liêng rồi cũng dần nhạt nhòa như một lẽ tất yếu của đời người.

Dễ nhận thấy rằng, cái tôi trữ tình trong thơ Lê Anh Hoài hiện lên với nhiều sắc thái khác nhau: từ trạng thái tỉnh thức giữa không gian đêm tối, sự tự nhận thức của cái tôi trong dòng chảy thời gian đến khát vọng kiếm tìm bản ngã. Các sắc thái này không chỉ phản ánh ý thức sâu sắc về bản ngã mà còn thể hiện sự trăn trở về ý nghĩa tồn tại, cùng

nổi cô đơn của con người trước sự đổi thay của thời gian. Chính vì lẽ đó đã tạo nên chiều sâu tư tưởng trong thơ ông, góp phần định hình một giọng điệu riêng biệt, giúp Lê Anh Hoài trở thành một tiếng nói độc đáo trong thơ ca đương đại Việt Nam.

### 3.2. *Cái tôi với ý thức vượt khỏi những khuôn khổ, cấm kị*

Cái tôi trữ tình không chỉ dừng lại ở hành trình kiếm tìm bản ngã, mà còn khao khát vượt thoát khỏi những khuôn khổ và cấm kị để khẳng định bản thân, vươn tới tự do. Khát vọng ấy trước hết thể hiện ở mong muốn phá vỡ các quy chuẩn xã hội áp đặt lên cá nhân. Trong bài thơ *Người bị ném đá*, nhà thơ Lê Anh Hoài đã đề cái tôi trữ tình đối diện và chứng kiến những cạm bẫy của đời sống xã hội đầy toan tính, xảo trá và khắc nghiệt: “*bấp bênh/ sống/ thoát/ đối diện/ những niềm vui bị cài đặt nỗi buồn/ hạnh phúc/ BẤY/ khát khao/ bước/ ngoài giới hạn/ ngoảnh lại nhìn/ đám đông ném đá.*” (*Người bị ném đá*). Bức tranh đời sống xã hội hiện lên trước mắt người đọc bắt đầu là sự “*bấp bênh*”, gọi nên trạng thái chông chênh, không ổn định. Đó là sự hoang mang, mơ hồ của con người trước những định kiến xã hội, thứ đã tạo nên áp lực vô hình đang đè nặng lên những ai bị phán xét. Tuy nhiên, cái tôi trữ tình không cam chịu mà bộc lộ ý thức phản kháng và khát vọng tìm kiếm sự tự do. Hành động “*thoát*” thể hiện quyết tâm mạnh mẽ, mong muốn giải phóng bản thân khỏi những ràng buộc áp đặt. Dòng thơ “*đối diện/ những niềm vui bị cài đặt nỗi buồn*” phản ánh bộ mặt xảo trá của xã hội – nơi những giá trị tốt đẹp bị che giấu và niềm vui, hạnh phúc bị trói buộc trong nỗi buồn, cô đơn, tuyệt vọng. Trước thực tại ấy, cái tôi không chấp nhận sự áp đặt mà chọn cách “*đối diện*” với hiện thực để khám phá con người đích thực của mình. Đặc biệt, từ “*BẤY*” được viết in hoa như một sự nhấn mạnh, gọi cảm giác áp lực nặng nề, bế tắc đến cùng cực. Nó tượng trưng cho những khuôn khổ, luật lệ khắc nghiệt của xã hội về những cạm bẫy vô hình trói buộc những ai “*bị ném đá*”. Nhưng ngay cả trong hoàn cảnh đó, cái tôi trữ tình vẫn bộc lộ khát khao mãnh liệt được “*bước/ ngoài giới hạn*” nhằm phản kháng quyết liệt, dám đối diện với dư luận để khẳng định bản thân. Dường như, những định kiến xã hội không còn là trở ngại đối với con người trong hành trình vượt thoát, cái tôi ấy đã ý thức rất rõ về những thử thách, sẵn sàng chấp nhận sự cô đơn và tổn thương tinh thần để đạt được tự do. Hình tượng cái tôi trong bài thơ là biểu tượng của bản lĩnh, lòng dũng cảm và khát vọng vượt qua giới hạn của bản thân, sẵn sàng đối mặt với mọi định kiến xã hội để hướng tới sự giải phóng và khẳng định giá trị cá nhân.

Bên cạnh đó, cái tôi trữ tình trong thơ Lê Anh Hoài còn chủ động phá vỡ những rào cản, ràng buộc thông thường của tình yêu. Tình yêu của nhân vật “*tôi*” là sự khao khát tự do, không bị giới hạn bởi những giá trị truyền thống: “*một mai anh không chết trong rừng/ thì xin được về chết dưới/ bánh tàu em...*” (*Đường ray và rừng*) và “*khuya/ trả thù tôi bằng sự nín câm/ và từ chối ru tôi ngủ/ tôi bật đèn hồng xóa đêm/ chợt nghe những gì vỡ khẽ.*” (*Không tiếng*). Những dòng thơ mở đầu trong bài thơ *Đường ray và rừng* thể hiện rõ ý thức khát khao sống mãnh liệt và sẵn sàng dấn thân vào những trải nghiệm liều lĩnh trong tình yêu, vượt ra khỏi lối suy nghĩ thông thường. Hình ảnh “*rừng*” và “*bánh tàu em*” không chỉ gọi lên những không gian đối lập mà còn tượng trưng cho sự bứt phá của cái “*tôi*” trữ tình. Nhân vật “*tôi*” dám đối diện với hiểm nguy nơi rừng sâu hoặc cũng có thể bày tỏ khát vọng nguyện “*chết dưới/ bánh tàu em*” (*Đường ray và rừng*) và chấp nhận đánh đổi tất cả vì tình yêu, ngay cả khi điều đó có thể dẫn đến sự hủy diệt. Khát vọng vượt thoát ấy càng trở nên mãnh liệt hơn khi “*tôi*” hành động “*bật đèn hồng xóa đêm*” (*Không tiếng*). Điều này có thể được xem như biểu tượng cho mong muốn được sống thật với chính mình, phá vỡ những bóng tối của định kiến và những cấm kị đang bao trùm. Mặt khác, điều đó còn thể hiện sự chủ động của nhân vật “*tôi*” khi dám đối diện với bản thể sâu kín, là khát vọng tự do không chấp nhận bị áp đặt hay kìm hãm. Tuy nhiên, khát vọng ấy lại gắn liền với một thực tại phủ

phàng – sự hiện diện của âm thanh “*chợt nghe những gì vỡ khẽ*” (*Không tiếng*). Âm thanh mơ hồ ấy dường như ẩn dụ cho những đổ vỡ trong tâm hồn hoặc những tổn thương, ám ảnh vẫn day dứt khôn nguôi. Có thể thấy, ý thức vượt khỏi những khuôn khổ và cấm kỵ vô hình đã ẩn sâu trong tiềm thức của nhân vật trữ tình. Dù bị áp lực từ những chuẩn mực xã hội, khát vọng tự do và mong muốn sống thật với cảm xúc của bản thân vẫn không ngừng trỗi dậy. Cái tôi ấy dám chấp nhận đối diện với bản thân, với những trần trụi, cô đơn trong hành trình giải phóng tự do cho chính mình.

Sự vươn lên tìm đến tự do còn được cái tôi bộc phát một cách mãnh liệt hơn khi nhận thức được ánh sáng le lói của niềm tin: “*Chúng mình đã khao ánh sáng/ và đã cùng nhau nhảy vọt lên bờ*” (*Cá*). Hay đó còn là sự khẳng định giá trị bản thân: “*hãy trộm cắp nhanh/ chút ánh sáng trời/ lợi dụng đêm đen/ núp bóng cỏ hôi/ lấp lánh lên!/ dấu ánh sáng của ta không từ tìm mà/ từ cái bụng/ nhờ nhờ lạnh lẽo/ dấu ánh sáng của ta từ hơi/ của bùn lầy,/ từ cóc và ma trơi...! lấp lánh lên!/ ta giả dạng sao trời/ và chính ta thành vì tinh tú.*” (*Bài ca con sâu đất*). Không phải ngẫu nhiên mà Lê Anh Hoài chọn các con vật nhỏ bé như “cá”, “con sâu” để đưa vào từng trang thơ của mình mà vì chúng gợi nhiều ý nghĩa biểu trưng. Đơn cử là hình ảnh “con sâu” ngụ ý những cá thể nhỏ bé bị coi thường trong xã hội, nhưng dù ở vị thế thấp hèn, những cá thể ấy vẫn không ngừng vươn lên, khao khát tự do. Bên cạnh đó, nó còn là biểu tượng cho những thân phận nhỏ bé đã vượt qua giới hạn thông thường, sẵn sàng đối diện với bóng tối vây quanh để được tỏa sáng, bất chấp thân phận thấp hèn hay tầm thường của chính mình. Hành động “*trộm cắp nhanh/ chút ánh sáng trời/ lợi dụng đêm đen*” thể hiện sự phản kháng mãnh liệt, ý chí vươn lên nhằm khẳng định giá trị bản thân. Con sâu cũng tựa như “*chính ta*” – những người không bao giờ chấp nhận bị xem thường, sẵn sàng thừa nhận và bộc lộ bản chất thật của mình. Đây chính là quá trình tự ý thức của một cái tôi mạnh mẽ, dám đối diện và vượt qua những rào cản của định kiến xã hội. Cụm từ “*lấp lánh lên*” được lặp lại nhiều lần cùng với việc tự nhận mình là một “*vì tinh tú*” lại càng nhấn mạnh khát vọng tỏa sáng, khẳng định giá trị bản thân của cái tôi trữ tình.

Không chỉ thể hiện sự tự khẳng định giá trị bản thân mà trong thơ Lê Anh Hoài còn thể hiện ý thức vượt thoát khỏi những cảm xúc bị che giấu: “*người đeo mặt nạ vui/ ngời hát nhạc buồn/ chính tiếng nhạc buồn làm tôi nhận ra/ mặt nạ/ nhạc buồn thăm sâu/ nhưng mặt nạ vẫn/ cười ngơ ngáo/ tôi muốn xé tan chiếc mặt nạ kia...*” (*Mặt nạ*). Có lẽ nhân vật trữ tình đã nhận ra sự phi lý của cuộc đời – nơi con người phải che đậy những xúc cảm thật đằng sau những lớp mặt nạ được “ngụy trang” một cách đầy giả tạo. Hành động “*xé tan chiếc mặt nạ kia*” chính là sự phơi bày cảm xúc bị dồn nén bấy lâu nay, thể hiện khát vọng được sống thật với bản thân. Qua đó, người đọc nhận thấy một cái tôi với ý thức tự giải phóng, vạch trần những giả dối để tìm lại bản ngã chân thực của mình.

Nhìn chung, cái tôi trữ tình trong thơ Lê Anh Hoài khao khát tự do, luôn tìm cách vượt qua rào cản và những điều cấm kỵ để tự khẳng định và giải phóng chính mình. Đây là một cái tôi không chấp nhận bị gò bó trong những giới hạn cứng nhắc mà luôn bộc lộ tinh thần phản kháng quyết liệt, khao khát khẳng định bản lĩnh cá nhân. Ý thức vượt thoát khỏi những khuôn khổ, cấm kỵ không chỉ cho thấy mong muốn phá vỡ những định kiến áp đặt, mà còn thể hiện hành trình tự khám phá và tìm kiếm bản ngã đích thực. Cái tôi ấy dám sống thật, sống trọn vẹn với cảm xúc và không ngừng khẳng định giá trị cá nhân. Đó là một cái tôi đầy bản lĩnh, sẵn sàng đối diện và vượt qua mọi định kiến xã hội, dám dấn thân, chấp nhận trả giá để bảo vệ sự tự do và khẳng định sự tồn tại của chính mình. Có thể nói, khát vọng vượt qua mọi ràng buộc và hướng tới tự do trong thơ Lê Anh Hoài không chỉ là tiếng nói cá nhân, mà còn là biểu tượng cho tinh thần tự do, ý chí mạnh mẽ và sự giải phóng bản ngã sâu sắc.

### 3.3. Cái tôi trữ tình được khắc họa nổi bật với bút pháp độc đáo

Lê Anh Hoài đã khắc họa cái tôi trữ tình bằng bút pháp độc đáo mang tinh thần hậu hiện đại rõ nét. Nhà thơ đã phá cách, sáng tạo ngôn ngữ và thủ pháp nghệ thuật theo lối riêng nhằm thể hiện cái tôi ý thức về sự kiếm tìm bản ngã và dám vượt qua những rào cản của mọi khuôn khổ, cảm kị.

Người đọc sẽ dễ dàng bắt gặp ngôn ngữ đa sắc thái được nhà thơ sử dụng trong các bài thơ. Nó như một sự khẳng định cá tính của cái tôi trữ tình. Chẳng hạn như ngôn ngữ mang sắc thái giản dị, đời thường, có phần thô tục: “*sao không cháy rụi đi*”, “*mình mò hôi mò kê chua loét*”, “*mang khuôn mặt nhựa pê để cười mỉm*” (*Em trôi trên ngã tư giáng sinh*), “*chửi*”, “*đái*” (*Loang loáng*), “*du côn*” (*Trò chơi*); ngôn ngữ mang sắc thái rùng rợn, thô bạo: “*huyết chết*”, “*cắt tai khoét mắt chặt tay*”, “*nướng xác và hồn mình dưới nắng vàng*” (*Cá*), “*nín thở thót tim đứt dây thần kinh*” (*Trò chơi*); ngôn ngữ mang màu sắc nhục cảm, có phần “lệch chuẩn”: “*làm tình*” (*Mảnh mảnh mảnh*), “*cuộc ân ái dở dang*” (*Ký sự ngày mưa*), “*những nơi nhạy cảm*” (*Tôi của ngày hôm nay chết*), “*cương cứng*” (*Loang loáng*), “*chợt thấy cương*” (*Em trôi trên ngã tư giáng sinh*); có sự lồng kết với ngôn ngữ nước ngoài: “*email chat chit*”, “*installation*”, “*video art*” (*Mảnh mảnh mảnh*), “*lipton*” (*Loang loáng*), “*coca*”, “*made in China*” (*Em trôi trên ngã tư giáng sinh*), “*card visit*” (*Nhu cầu*)... Có thể thấy, những lớp ngôn từ này khiến cái tôi trữ tình trong thơ Lê Anh Hoài hiện lên với nhiều sắc diện khác nhau. Nhà thơ đã phá vỡ những giới hạn thông thường của thơ ca truyền thống vốn bị chi phối bởi thi luật chặt chẽ và ngôn ngữ mực thước. Hơn thế nữa, ông còn bộc lộ cá tính độc đáo bằng lối viết tự do, sử dụng đa dạng các sắc diện của ngôn ngữ mà không ngại va chạm với những điều hủ kỵ.

Bên cạnh đó, hình thức câu thơ cũng không tuân theo một quy tắc nhất định. Câu thơ được viết theo lối thơ vắt dòng, được biến tấu một cách linh hoạt nhằm khơi sâu tâm trạng của cái tôi trữ tình. Đó là một cái tôi bất giác nhận ra sự trôi dạt cảm xúc, đứt gãy của một mối tình vốn dĩ đẹp đẽ, nhưng lại chóng tàn lụi: “*chúng ta yêu nhau bằng những lời sắc hơn dao, độc/ hơn thuốc trừ sâu, nhằm hủy hoại những gì ta đã xây/ nên bằng cảm thức thiêng liêng chỉ vì nay ta sợ chúng*” (*Lời*). Hay cái tôi bất toàn trong nhận thức, cùng những dự cảm, lo âu về tinh thần cũng được thể hiện qua lối thơ này của cái tôi: “*ánh mắt ta nhìn nhau làm xiếc trên dây/ nín thở thót tim đứt dây thần kinh mặt cười bình thản*” (*Trò chơi*). Có khi, các dòng thơ được trải dài liên tục nhằm diễn tả trạng thái hoài nghi của cái tôi về những ký ức đã qua: “*Có hàng ngàn người đã gặp tôi, còn lưu lại/ những mảnh của tôi trong ký ức họ?*” (*Mảnh mảnh mảnh*)...

Song, chúng ta cũng dễ dàng bắt gặp những câu thơ có cấu trúc đặc biệt, mang dáng dấp của văn xuôi. Với tinh thần thể nghiệm đầy mới mẻ, Lê Anh Hoài đã biến tấu hình thức câu thơ gần với cấu trúc của một đoạn văn tự sự: “*Mẹ tôi đưa ra cuốn sổ y bạ bệnh tim bệnh huyết/ áp mắt đục tai ù tê cơ chỉ số mỡ đường tăng/ giáng trang đầu là ảnh mẹ tươi cười đẹp đẽ ở hồi/ đó cách đây mười năm/ Con trai tôi đá bóng hò hét môi trên lún phún/ dừng động vào con kệ con tôi vẫn nhớ cái bó nó/ dùng năm lên một. Con gái chái đầu soi gương/ tung nháy quay tròn tôi thở dài mười năm nữa./ Tôi ngồi đây nghĩ những chữ viết ra hàng ngày/ như châu chấu như cào cào như chuồn chuồn bay lơ lửng...*” (*Mảnh mảnh mảnh*). Nếu không có sự xuất hiện của văn thơ thì ta có thể nghĩ đó là một câu chuyện do chính tác giả kể lại về gia đình và cuộc đời của mình.

Ngoài ra, việc đan xen các câu thơ dài ngắn khác nhau cũng trở thành một dụng ý nghệ thuật mới mẻ của nhà thơ. Những câu thơ ngắn chỉ gồm một từ như: “*khuya*” (*Không tiếng*), “*sống*” (*Người bị ném đá*), “*Rác*” (*Loanh quanh*)... thể hiện sự đứt khoát trong

nhận thức của cái tôi trữ tình về sự tồn tại của bản thể giữa cuộc đời. Ngược lại, những câu thơ được mở rộng và phát triển tự do, phá bỏ mọi giới hạn về kết cấu, có khi còn triệt tiêu cả vần, nhịp: “*chúng ta yêu nhau bằng những lời sắc hơn dao, độc hơn thuốc trực thai, nhằm hủy hoại những gì ta đã xây nên bằng cảm thức thiêng liêng chỉ vì nay ta sợ chúng...*” (Lời), “*những quan hệ nhiều/ như những nếp nhăn trên mặt.../ ta phải phun phì phì nhu cầu/ ra không thì chết ngột*” (Nhu cầu). Nhà thơ đã tổ chức ngôn ngữ một cách sáng tạo, linh hoạt, vừa đan cài, biến tấu hình thức câu thơ phá vỡ những khuôn mẫu, cấu trúc truyền thống, vừa làm nổi bật cái tôi trữ tình.

Mặt khác, cái tôi trong thơ Lê Anh Hoài trở nên thú vị, độc đáo khi đã dám giễu nhại, phá vỡ trật tự cao – thấp, linh thiêng – phàm tục, biến lời thơ thành một tấm gương phản chiếu: cái thiêng liêng không chỉ thuộc về nơi tôn nghiêm mà còn hiện diện giữa chốn nhân gian, trong nhịp sống vội vã của cuộc đời. Lê Anh Hoài còn dùng thủ pháp nhại để giải thiêng những hình tượng tôn giáo như Đức Chúa, Đức Mẹ Maria, Đức Phật khiến cái tôi trữ tình trở nên thú vị, độc đáo hơn khi đã dám phá vỡ trật tự cao – thấp, linh thiêng – phàm tục. Việc mượn các chất liệu tôn giáo như một sự “ngụy trang” để lật tẩy những nghịch lý và sự phi lý trong đời sống. Hình ảnh “*người diễn trên thập tự mang khuôn mặt nhựa pê đê cười mỉm*” (Em trôi trên ngã tư giáng sinh) cho thấy niềm tin vào Chúa đã bị lung lay. Hình ảnh “*đức chúa bả trà lipton gục*” (Loang loáng), một biểu tượng thiêng liêng, cao quý giờ đây lại gắn liền với những mặt hàng tiêu dùng thường nhật. Câu thơ “*dàn thánh ca ngậy ngát cân sa*” (Em trôi trên ngã tư giáng sinh) và “*đầu trên thánh giá khuấy ly/ bằng nhựa*” (Loang loáng) không còn tìm thấy sự tôn nghiêm, ngợi ca Chúa mà như một sự trêu đùa. Hay trong bài *Hội An*, hình tượng Đức Phật không còn gắn với sự thoát tục, thanh tịnh mà được đưa về chốn đời thường, phàm tục, ẩn sâu nụ cười hóm hỉnh của nhân vật trữ tình: “*trong không gian thánh thiện/ dịu dàng của Niết Bàn/ tôi thấy Đức Phật đi trong chợ*” (Hội An). Bằng bút pháp độc đáo, phá cách mang đậm “chất chơi”, cái tôi trữ tình hiện lên đậm nét, sắc sảo và thú vị. Cái tôi ấy là tiếng nói đại diện của chủ thể góp phần thể hiện cá tính dám bút phá, sáng tạo trong thế giới nghệ thuật của mình.

#### 4. Kết luận

Dựa trên đặc trưng của thơ hậu hiện đại, Lê Anh Hoài đã có điều kiện thể hiện rõ phong cách và cá tính sáng tạo riêng. Ông gieo những con chữ vào từng bài thơ một cách đầy ngẫu hứng nhưng cũng giàu tính nghệ thuật. Đặc biệt, hình tượng cái tôi trữ tình được khắc họa khéo léo, ẩn sau vẻ tùy hứng là những cung bậc cảm xúc đa dạng và phức tạp. Cái tôi ấy luôn vận động, biến đổi linh hoạt, vừa đối thoại với chính mình, vừa phản ánh những biến động của cuộc sống. Không những thế, nhà thơ còn để cái tôi bộc lộ thế giới nội tâm một cách chân thực khi ý thức về kiếm tìm bản ngã và khát vọng vượt thoát khỏi những khuôn khổ, cảm kị. Đó có thể là cuộc đối thoại với bản thể, hay sự thức tỉnh nội tâm nhằm hướng đến khao khát tự do, không bị ràng buộc bởi một khuôn mẫu nào. Trong trường hợp này, trò chơi nghệ thuật trở thành một ý niệm giúp cái tôi trữ tình bộc lộ những chiều sâu cảm xúc cũng như sự giằng xé giữa ý thức bản ngã và khát vọng tự do. Bởi đây là một trạng thái vốn tiềm tàng, chỉ cần một tác nhân kích thích thì sẽ bùng phát mạnh mẽ. Có thể khẳng định rằng, hình tượng cái tôi trữ tình không chỉ là phương tiện biểu đạt cảm xúc mà còn là “chìa khóa” mở ra chiều sâu tư tưởng, phản ánh nhận thức của nhà thơ về thế giới, cất lên tiếng nói của con người hiện đại trong hành trình khám phá và khẳng định bản thân.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Bích Hạnh (2012). *Cái tôi trữ tình trong thơ trẻ Việt Nam* (Luận án Tiến sĩ). Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- [2] Hà Minh Đức (1974). *Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam hiện đại*. NXB Khoa học xã hội.
- [3] Heghen, G.W.F. (1999). *Mỹ học của Heghen* (Người dịch: Phan Ngọc). NXB Văn học.
- [4] Hoàng Phê (chủ biên) (2003). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng & Trung tâm Từ điển học.
- [5] Lại Nguyên Ân (2016). *150 thuật ngữ văn học*. NXB Văn học.
- [6] Lê Anh Hoài (1999). *Những giấc mơ bên đường*. NXB Văn học.
- [7] Lê Anh Hoài (2012). *Mảnh mảnh mảnh*. NXB Văn học.
- [8] Lê Huy Bắc (2015). *Văn học hậu hiện đại: Lý thuyết và tiếp nhận*. NXB Đại học Sư phạm.
- [9] Lê Lưu Oanh (1995). *Cái tôi trữ tình trong thơ (qua một số hiện tượng thơ trữ tình Việt Nam 1975-1990)* (Luận án Phó Tiến sĩ). Trường Đại học Sư phạm Hà Nội I.
- [10] Lê Lưu Oanh (1998). *Thơ trữ tình Việt Nam 1975-1990*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [11] Nguyễn Bá Thành (1996). *Tư duy thơ và tư duy thơ hiện đại Việt Nam*. NXB Văn học.
- [12] Nguyễn Thị Kim Dung (2005). *Cái tôi trữ tình trong thơ Chế Lan Viên sau Cách mạng 1945* (Luận văn Thạc sĩ). Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
- [13] Nguyễn Thị Thu Hiền (2015). *Tiếng nói của cái tôi trữ tình trong thơ Nguyễn Khoa Điềm và Hữu Thỉnh trước năm 1986 – một cái nhìn đối sánh* (Luận văn Thạc sĩ). Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- [14] Phạm Thị Thanh Phương (2000). *Cái tôi trữ tình trong thơ Nguyễn Bính* (Luận văn Thạc sĩ). Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- [15] Phan Trắc Thúc Định (2012). *Cái tôi trữ tình thơ trẻ đương đại (qua Vi Thùy Linh, Phan Huyền Thư, Văn Cẩm Hải)* (Luận văn Thạc sĩ). Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.
- [16] Trần Đình Sử (2020). *Cái tôi và hình tượng trữ tình*.  
<https://trandinh-su.wordpress.com/2020/10/27/cai-toi-va-hinh-tuong-tru-tinh/>.
- [17] Trần Nguyễn Thùy Dương (2012). *Hình tượng cái tôi trữ tình trong “Ngư phong thi tập” của Nguyễn Quang Bích* (Luận văn Thạc sĩ). Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.